TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2025
"V/v Ly hôn giữa ông T và bà U"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 1, ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: Tổ 1, ấp n, xã Đ, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Bùi Thị Hạnh U**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 1, ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: Tổ 1, ấp n, xã Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn T (gọi tắt là ông T) và bà Bùi Thị Hạnh U (gọi tắt là bà U) chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới và

thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/3/2015 theo quy định.

Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bà U làm hụi gây nợ nần và bỏ nhà đi nơi khác. Sau khi bà U bỏ nhà đi ông T phải trả tự trả nợ thay cho bà U và trong thời gian vợ chồng không ở gần nhau bà U đã cặp với người khác cách nay khoảng 4 năm. Vợ chồng chính thức ly thân khoảng 08 tháng nay không còn liên lạc và bà U cũng đã xác định không quay về sống với ông T nữa. Đến nay ông T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/9/2004 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 20/10/2009. Hiện tại con chung Nguyễn Tấn P đã trưởng thành và phát triển bình thường, đối với cháu Nguyễn Thị Huỳnh N ông T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn bà Bùi Thị Hạnh U vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của của ông Nguyễn Văn T.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy căn cước công dân (bản sao); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bà U vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông T được ly hôn với bà U; về con chung đối với con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/9/2004 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Đông Thái, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Ông T yêu cầu ly hôn với bà U và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Bà U đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông Toàn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Về hôn nhân:

Ông T và bà U chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó xác định hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông T và kết quả xác minh từ địa phương có cơ sở để nhận định đời sống hôn nhân của ông T và bà U đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 khi bà U làm hụi gây nợ nần rồi bỏ nhà đi nơi khác sống, tình cảm vợ chồng đã thay đổi do bà U có bạn mới từ nhiều năm nay. Hiện nay ông, bà không còn quan tâm đến nhau và đều tạo dựng cuộc sống riêng, không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ông T, giải quyết cho ly hôn giữa ông T và bà U**.**

2.2 Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có hai người con chung tên

Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/9/2004 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 20/10/2009. Đối với con chung Nguyễn Tấn P đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị Huỳnh N hiện nay có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, xét thấy hiện tại ông T đang sinh sống tại địa phương, có tài sản và có thu nhập cũng như các điều kiện sinh hoạt khác đảm bảo việc nuôi dưỡng giáo dục con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Nguyễn Thị Huỳnh N cho ông T nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của ông Toàn không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ông T xác định không có, bà U không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Ông T xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Hạnh U.

2. Về con chung:

Con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/9/2004 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 20/10/2009 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau khi ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Hạnh U ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Bùi Thị Hạnh U cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các quyền và nghĩa vụ về tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Hạnh U đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp ông, bà và người thứ ba có thoả thuận khác.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011973 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- An Giang). Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.